

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 8 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Trang

Ông Lâm Hải Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp H, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Cheng, Chao - Y, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số X phố N, khóm Y, phường Đ, khu V, thành phố V, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Bà và ông Cheng, Chao – Y quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/12/2019. Vào tháng 12 năm 2020, ông Cheng, Chao – Y bảo lãnh bà sang Đài Loan chung sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến, bất đồng ngôn ngữ, quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà và ông Cheng, Chao – Y ly thân từ cuối năm 2022, đến tháng 01

năm 2023 bà về Việt Nam sống cho đến nay, ông Cheng, Chao – Y cũng không sang Việt Nam thăm bà. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Cheng, Chao – Y.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Cheng, Chao – Y được Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp theo quy định để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Cheng, Chao – Y về việc bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện ly hôn với ông. Tuy nhiên, ông Cheng, Chao – Y không gửi ý kiến về Tòa án và không có mặt để tham dự phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 238 và Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Cheng, Chao – Y.

[2] Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Cheng, Chao – Y kết hôn vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Cheng, Chao – Y là công dân Việt Nam với ông Cheng, Chao – Y quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

[3] Nhận thấy bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Cheng, Chao – Y kết hôn nhưng chưa tìm hiểu nhau kỹ. Theo bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và ngôn ngữ. Bà T và ông Cheng, Chao – Y ly thân từ cuối năm 2022, đến tháng 01 năm 2023 bà về Việt Nam sống cho đến nay. Xét thấy hai người ở hai nước khác nhau, trong thời gian dài không còn liên lạc với nhau, điều này thể hiện không còn chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, quan hệ hôn nhân giữa hai người chỉ tồn tại trên hình thức, thực chất tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy có căn cứ để xác định bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Cheng, Chao – Y đã vi phạm

quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, việc bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Cheng, Chao – Y là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà Nguyễn Thị Ngọc T khai không có và không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được quy định tại khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Tại phiên Tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị: chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T;

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Cheng, Chao – Y.

1. 2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí và chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000414 ngày 10/10/2023 và số tiền 200.000 đồng đã nộp tạm ứng chi phí ủy thác ra nước ngoài theo biên lai thu số 0014815 ngày 30/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, bị đơn ông Cheng, Chao – Y được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- THADSTVL: 02b;
- UBNDHB: 01b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tư